TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **Thành phố Hồ Chí Minh**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **501**/2018/QĐST-HNGĐ	*T , ngày 30 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 435/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: Bà Phan Hải Y , sinh năm: 1989

HKTT: 787/2 T , phường T, quận T , Tp. H .

Địa chỉ: 146/4 T, phường T , quận T , Tp. H .

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Nhật V , sinh năm: 1989

Địa chỉ: 787/2 T , phường T, quận T , Tp. H .

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phan Hải Y và ông Nguyễn Nhật V

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Hải Y và ông Nguyễn Nhật V thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Y và ông V , chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016, ngày 21/01/2016 của UBND phường T, quận T cấp cho bà Y và ông V không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, Nợ chung: Hai bên xác định không có.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Y và ông V chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền ông bà đã tạm nộp lệ phí theo biên lai số 0011007 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T .

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. T ;
- UBND phường T, quận T , Tp.H ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm Phán

Lê Công Huân